

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 14/5/2020.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị T.**

2. Ông: **Đỗ Đức L.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị H**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2019/TLDS-ST ngày 21/10/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐDS-ST ngày 20/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐDS-ST ngày 12/3/2020; quyết định tạm ngưng phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Sài Gòn; địa chỉ: Quận 3, TPHCM.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Trung H , sinh năm 1990; chức vụ: Nhân viên chi nhánh Lâm Đồng; địa chỉ: TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thái L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 05, xã L, huyện B , tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2018, quá trình giải quyết vụ án Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/6/2017, ông L có ký với Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín (Viết tắt là Ngân hàng Sacombank) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng Sacombank đã đồng ý và cấp thẻ tín dụng cho ông L với mức sử dụng là 20.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.000.000đ

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng Sacombank được 24.600.000đ. Qua nhiều lần làm việc nhưng ông L không thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/4/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang toàn bộ dư nợ còn tH sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa ông H trình bày, tính đến ngày xét xử thì ông L còn nợ 20.297.206đ tiền gốc; tiền lãi ông L phải thanh toán từ tính từ ngày 30/6/2017 đến ngày 31/3/2018 là $2.15\% \times 20.279.206\text{đ} \times 07 \text{ tháng} = 3.120.848\text{đ}$ nhưng ông L đã trả được 4.200.000đ nên ông L còn thừa 1.079.152đ. Do đóng lãi trễ hạn nên ông L còn phải chịu 822.719đ phí trễ hạn, do đó ông L còn thừa 256.433đ. Từ ngày 01/4/2018 trở đi ông L tiếp tục chịu lãi quá hạn là $150\% \times 2.15\%$ trên số tiền gốc chưa trả, số tiền 256.433đ thừa của ông L được Ngân hàng trừ vào lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2018. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L thanh toán số tiền nợ gốc 20.279.206đ, lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2018 đến 06/5/2020 là 17.004.000đ ($20.279.206\text{đ} \times 26 \text{ tháng} \times 150\% \times 2.15\%$). Tổng cộng là 37.301.206đ.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện phía nguyên đơn cung cấp: Bản đóng dấu treo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/6/2017; Bản đóng dấu treo Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank; Bản đóng dấu treo Thông báo thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank số 113 ngày 04/7/2011; Bản gốc tóm tắt sao kê của ông Lê Thái L.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án án làm việc nên không có bất kỳ lời trình bày hay giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể nợ gốc được chấp nhận là 20.000.000đ, lãi quá hạn được chấp nhận mức $150\% \times 0.83\%/tháng$ tính từ ngày Ngân hàng có đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý; không chấp nhận phí trễ hạn và buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Bị đơn đã được triệu tập lần hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

- **Về nội dung:**

[01] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/6/2017 thì ông L đã ký và được quyền sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank. Tại bản tóm tắt sao kê Ngân hàng cung cấp ngày 30/6/2017 thì ông L đã thực hiện 02 giao dịch cụ thể ngày 30/6/2017 ông L đã rút 20.000.000đ, ngày 31/7/2017 rút tiếp 20.000.000đ. Theo Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ thì ông L phải chịu các loại phí theo quy

định của Ngân hàng Sacombank, trong đó phí trễ hạn, phí VHM và lãi suất theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm phát hành thẻ Ngân hàng Sacombank là 2,15%/tháng. Căn cứ Bản tóm tắt sao kê ngày 30/6/2017 thì ông L còn nợ 20.279.206đ tiền gốc và lãi quá hạn.

[02] Tại phiên tòa, ông H trình bày: Ông L đã trả lãi từ ngày 30/6/2017 đến ngày 31/3/2018 là 3.120.848đ ($2.15\% \times 20.297.206đ \times 07$ tháng) nhưng ông L đã trả được 4.200.000đ nên ông L còn thừa 1.079.152đ. Ông L phải chịu phí phí trễ hạn là 822.719đ nên còn thừa 256.433đ. Số tiền này Ngân hàng trừ vào tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 06/5/2020 là không đúng mà phải trừ vào số tiền gốc 20.279.206đ, cụ thể là $20.279.206đ - 256.433đ = 20.022.773đ$. Như vậy, ông L còn nợ tiền gốc là 20.022.773đ. Ngân hàng đã thông báo bằng thư điện tử như thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ do đó lãi quá hạn được tính từ ngày 01/4/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H chỉ yêu cầu tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 06/5/2020 với mức lãi suất quá hạn là 150% của 2.15%/tháng là phù hợp với Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, cụ thể ông L phải trả lãi cho Ngân hàng là 16.804.188đ ($20.040.773đ \times 150\% \times 2,15\% \times 26$ tháng). Tổng cộng ông L phải trả cho Ngân hàng là 36.826.961đ.

[03] Về án phí:

- Ông L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 1.841.348đ ($36.826.961đ \times 5\%$), làm tròn là 1.841.350đ.

- Ngân hàng phải chịu 300.000đ án phí trên số tiền bị bác yêu cầu là 456.245đ ($37.301.206đ - 36.826.961đ$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, điểm b khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn Ông Lê Thái L.

- Buộc ông Lê Thái L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín 36.826.961đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc 20.022.773đ, lãi 16804.188đ

- Lãi quá hạn được tiếp tục tính theo mức lãi suất 150% của mức lãi suất 2.15%/tháng tính trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 15/5/2020 cho đến khi ông L thanh toán hết nợ.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín đối với số tiền 456.245đ (Bốn trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Về án phí:

- Buộc ông Lê Thái L phải nộp 1.841.350đ (Một triệu tám trăm bốn mươi một ngàn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 556.575đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0015477 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín được nhận lại số tiền còn thừa là 256.575đ (Hai trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng CPTM Sài Gòn Thương Tín có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 14/5/2020; ông L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện B ;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Văn L

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đức Lâm

Nguyễn Thị Tài

Nguyễn Văn Linh